

SỐ: 165/2018/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 18 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 157/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vương Cao K - Sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Địa chỉ: Đội 15, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị Phạm Thị H - Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Đội 15, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 217; Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Nguyên đơn Vương Cao K rút phần yêu cầu chia tài sản chung, phân chia trách nhiệm trả nợ chung, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của Anh Vương Cao K và chị Phạm Thị H về các vấn đề sau:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vương Cao K và chị Phạm Thị H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Cao K và chị Phạm Thị H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Vương Thế A, sinh ngày 02/9/2014 cho đến khi cháu thành niên và có đủ khả năng lao động. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh K và chị H mỗi người phải chịu 75.000 đ án phí DSST. Anh K tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số AA/2016/ ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Phần thỏa thuận này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

II. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ phải trả của nguyên đơn.

1. Về tài sản: Tài sản riêng; Nợ lấy về: Diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung; Nợ phải trả: Nguyên đơn Vương Cao K rút phần yêu cầu chia tài sản chung, phân chia trách nhiệm trả nợ chung, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí và được Tòa án chấp nhận. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại về phần tài sản chung và phân chia trách nhiệm trả nợ chung.

2. Về án phí: Trả lại anh Vương Cao K số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp là 11.328.000đ (*Mười một triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002779 ngày 16/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Phần đình chỉ các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THA dân sự H. Đ;
- VKSND H.Điện Biên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên

